

Số: 06/2025/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275 và 280 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2025, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 30/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1959; Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1962; Bà Lê Thị B, sinh năm 1984; Ông Lê Khắc B, sinh năm 1960; Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1981; Bà Nguyễn Thị Ch1, sinh năm 1976; Bà Hoàng Thị Ch2, sinh năm 1970; Bà Cao Thị Ch3, sinh năm 1978; Ông Nguyễn Thê V, sinh năm 1961; Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1966; Lê Thị G, sinh năm 1952; Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1982; Bà Lê Thị H1, sinh năm 1961; Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1978; Ông Trần Văn H3, sinh năm 1969; Bà Trần Thị H4, sinh năm 1965; Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1971; Bà Lê Thị H6, sinh năm 1957; Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1971; Ông Nguyễn Công H8, sinh năm 1957; Ông Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1960; Bà Lê Thị H9, sinh năm 1973; Bà Nguyễn Thị H10, sinh năm 1988; Bà Hoàng Thị H11, sinh năm 1967; Bà Lê Thị H12, sinh năm 1962; Bà Hoàng Thị H13, sinh năm 1968; Ông Nguyễn Đình H14, sinh năm 1972; Bà Lê Thị H15, sinh năm 1991; Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1978; Ông Phạm Trọng Kh1, sinh năm 1961; Ông Nguyễn Đình Kh2, sinh năm 1962; Bà Lê Thị Th1, sinh năm 1976; Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962; Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1973; Ông Nguyễn Đình Th3, sinh năm 1959; Bà Lê Thị L3, sinh năm 1954; Bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1978; Bà Đàm Thị L5, sinh năm 1950; Bà Hoàng Thị L6, sinh năm 1967; Ông

Lê Thanh X, sinh năm 1965; Ông Lê Văn H15, sinh năm 1965; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1981; Bà Lê Thị X2, sinh năm 1973; Bà Lê Thị Ng3, sinh năm 1981; Bà Hoàng Thị Ngh1, sinh năm 1971; Chị Lê Thị Ngh2, sinh năm 1996; Ông Lê Văn Ng9, sinh năm 1962; Bà Lê Thị Ng8, sinh năm 1958; Ông Nguyễn Viết Th5, sinh năm 1969; Bà Thiều Thị Nh1, sinh năm 1965; Bà Trịnh Thị Ph1, sinh năm 1984; Ông Nguyễn Đình Ph2, sinh năm 1969; Bà Nguyễn Thị Q1, sinh năm 1964; Bà Lê Thị S1, sinh năm 1966; Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1956; Bà Ngô Thị T9, sinh năm 1971; Bà Lê Thị T8, sinh năm 1979; Bà Hoàng Thị Th4, sinh năm 1972; Bà Hoàng Thị Th6, sinh năm 1964; Bà Lê Thị Th7, sinh năm 1969; Bà Hoàng Thị Th8, sinh năm 1964; Bà Nguyễn Thị Th9, sinh năm 1964; Bà Nguyễn Thị Th9910, sinh năm 1964; Bà Lê Thị Th11, sinh năm 1974; Chị Nguyễn Thị H11, sinh năm 1994; Ông Lê Đức T, sinh năm 1965; Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm 1964; Ông Ngô Quang T3, sinh năm 1968; Ông Lê Thanh T4, sinh năm 1972; Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1960; Bà Lê Thị V1, sinh năm 1966; Bà Lê Thị V2, sinh năm 1981; Bà Hoàng Thị Y1, sinh năm 1967; Bà Đỗ Thị Y2, sinh năm 1973; Bà Ngô Thị X1, sinh năm 1948; Bà Nguyễn Thị B5, sinh năm 1951; Bà Nguyễn Thị Ph1, sinh năm 1957; Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1955; Ông Hoàng Đình D1, sinh năm 1959; Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1950; Ông Hoàng Khắc V1, sinh năm 1959; Bà Trần Thị H17, sinh năm 1964; Ông Nguyễn Duy V5, sinh năm 1968; Ông Hoàng Văn H18, sinh năm 1958; Bà Lê Thị H19, sinh năm 1974; Bà Nguyễn Thị H20, sinh năm 1976; Bà Hoàng Thị L15, sinh năm 1980; Ông Nguyễn Viết N5, sinh năm 1966; Bà Nguyễn Thị X5, sinh năm 1957; Ông Hoàng Thanh Nh2, sinh năm 1978; Bà Hoàng Thị Nh3, sinh năm 1974; Bà Lê Thị Ph5, sinh năm 1970; Bà Hoàng Thị X2, sinh năm 1961; Bà Nguyễn Thị S9, sinh năm 1965; Nguyễn Viết H25, sinh năm 1968; Bà Hoàng Thị T7, sinh năm 1972; Bà Hoàng Thị TA, sinh năm 1973; Bà Nguyễn Thị T Y, sinh năm 1963; Ông Nguyễn D T, sinh năm 1966; Bà Hoàng TH, sinh năm 1960; Bà Phạm Thị T9, sinh năm 1961; Bà Ngô Thị V5, sinh năm 1974; Bà Nguyễn Thị V6, sinh năm 1972; Bà Hà Thị L15, sinh năm 1972 và Bà Mai Thị Kh5, sinh năm 1959. Cùng địa chỉ: (Thị trấn HH, huyện Thiệu Hóa – Nay là xã Thiệu Toán), tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn:

- Ông Lê Văn Ng, sinh năm 1962; Địa chỉ: Khu phố Đ B, (Thị trấn HH, huyện Thiệu Hóa – Nay là xã Thiệu Toán), tỉnh Thanh Hóa.

- Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khu phố Đ C, (Thị trấn HH, huyện Thiệu Hóa – Nay là xã Thiệu Toán), tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị đơn:** Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp TM; Địa chỉ: Khu phố Đ B, (Thị trấn HH, huyện Thiệu Hóa – Nay là xã Thiệu Toán), tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phương Hoàng; Chức vụ: Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 06/8/2025, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp TM còn nợ 79 hộ dân với tổng số tiền là 244.844.000đ (Hai trăm bốn bốn

triệu tám trăm bốn bốn nghìn đồng), (Có danh sách 79 hộ dân kèm theo quyết định này).

2.2. Về phương thức thanh toán nợ, thời hạn trả nợ làm 03 kỳ, cụ thể:

Kỳ 1: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp TM có nghĩa vụ thanh toán cho các hộ dân với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 30/12/2025.

Kỳ 2: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp TM có nghĩa vụ thanh toán cho các hộ dân với số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 30/3/2026.

Kỳ 3: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp TM có nghĩa vụ thanh toán cho các hộ dân hết toàn bộ số tiền còn lại 144.844.000đ (Một trăm bốn bốn triệu tám trăm bốn bốn nghìn đồng) vào ngày 30/6/2026.

Các bên thống nhất thỏa thuận việc trả cho các hộ dân là theo tỉ lệ phần trăm số tiền nợ của từng hộ trên tổng số nợ của 79 hộ, tại thời điểm của kỳ trả nợ.

Trường hợp quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp TM vi phạm bất kỳ, kỳ trả nợ nào thì các hộ dân được quyền yêu cầu Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp TM trả toàn bộ số nợ một lần và được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ, kỳ trả nợ, Người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2.3. Về án phí:

- Về án phí: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp TM phải chịu án phí là (244.844.000đ x 5%) : 2 = 6.121.000đ (Sáu triệu một trăm hai một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Lê Văn Ngọc số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.515.000đ (Bảy triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu 0000092 ngày 18/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 – Thanh Hóa;
- Tòa án Nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Thị hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Văn Đạt